

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: 929 /KQ-KSBT**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM****Mã số mẫu: 00929.25****Trang: 1/2**

Tên khách hàng : Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai - Hoạt động ngoại kiểm chất lượng nước năm 2025

Địa chỉ : Kp 9, phường Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai

Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**

Lượng mẫu : 2000+500ml

Ngày nhận mẫu : 14/05/2025

Ngày trả kết quả : 26/05/2025

Địa điểm lấy mẫu : Bể chứa nhà máy nước - Nhà máy nước Hồ Cầu Mới - Công ty CP cấp nước Hồ Cầu Mới

Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai

Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín.

KHOA XN-CĐHA-TDCN
TRƯỞNG KHOA*Nguyễn Phi Long*Đồng Nai, ngày 26 tháng 05 năm 2025**GIÁM ĐỐC***Trần Minh Hòa*

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00929.25

Trang: 2/2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B (PP màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	14/05/2025
2	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	14/05/2025
3	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	TCVN 8881:2011 (NƯỚC SINH HOẠT)	0/100ml	< 1CFU/100ml	14/05/2025
4	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2023	36,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	19/05/2025
5	Coliform tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	0/100ml	< 3CFU/100ml	14/05/2025
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B: 2023	0,00034 mg/l	≤0,01 mg/L	20/05/2025
7	Clo dư tự do	Chlorine test	0,85 mg/l	0,2 - 1,0 (mg/l)	14/05/2025
8	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	0,22 NTU	≤ 2 NTU	14/05/2025
9	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	14/05/2025
10	Mùi, Vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	14/05/2025
11	pH*	TCVN 6492:2011	7,03	6,0 - 8,5	14/05/2025
12	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179:1996	0,02 mg/l	≤ 0,3mg/l	15/05/2025
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0,62 mg/l	≤ 2mg/l	15/05/2025
14	Mangan *(Mn)	SMEWW 3111B:2023	0,01 mg/l	≤ 0,1mg/l	16/05/2025
15	Nitrat *(NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,08 mg/l	≤ 2mg/l	15/05/2025
16	Nitrit *(NO ₂ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500 NO ₂ ⁻ B:2023	Không phát hiện	≤ 0,05mg/l	15/05/2025
17	Sắt *(Ferrum)(Fe)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,3mg/l	16/05/2025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT.**Ghi chú:** - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

**SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 927 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**Mã số mẫu: 00927.25****Trang : 1/2**

Tên khách hàng : Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai - Hoạt động ngoại kiểm chất lượng nước năm 2025

Địa chỉ : Kp 9, phường Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai

Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**

Lượng mẫu : 2000+500ml

Ngày nhận mẫu : 14/05/2025

Ngày trả kết quả : 26/05/2025

Địa điểm lấy mẫu : Nước cấp đầu vào KCN Sonadezi Long Bình Gò Dầu - Nhà máy nước Hồ Cầu Mới - Công ty CP cấp nước Hồ Cầu Mới

Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai

Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín.

**KHOA XN-CĐHA-TDCN
TRƯỞNG KHOA***Nguyễn Phi Long*

Đồng Nai, ngày 22 tháng 05 năm 2025

GIÁM ĐỐC*Trần Minh Hòa*

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00927/25

Trang : 2/2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B (PP màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	14/05/2025
2	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	14/05/2025
3	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	TCVN 8881:2011 (NƯỚC SINH HOẠT)	0/100ml	< 1CFU/100ml	14/05/2025
4	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2023	40,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	19/05/2025
5	Coliform tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	0/100ml	< 3CFU/100ml	14/05/2025
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B: 2023	0,00038 mg/l	≤0,01 mg/L	20/05/2025
7	Clo dư tự do	Chlorine test	0,34 mg/l	0,2 - 1,0 (mg/l)	14/05/2025
8	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	0,06 NTU	≤ 2 NTU	14/05/2025
9	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	14/05/2025
10	Mùi, Vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	14/05/2025
11	pH*	TCVN 6492:2011	7,04	6,0 - 8,5	14/05/2025
12	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179:1996	0,02 mg/l	≤ 0,3mg/l	15/05/2025
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	1,23 mg/l	≤ 2mg/l	15/05/2025
14	Mangan *(Mn)	SMEWW 3111B:2023	0,01 mg/l	≤ 0,1mg/l	16/05/2025
15	Nitrat *(NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,08 mg/l	≤ 2mg/l	15/05/2025
16	Nitrit *(NO ₂ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500 NO ₂ ⁻ B:2023	Không phát hiện	≤ 0,05mg/l	15/05/2025
17	Sắt *(Ferrum)(Fe)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,3mg/l	16/05/2025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT.**Ghi chú:** - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 927 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



Mã số mẫu: 00928.25

Trang : 1/2

Tên khách hàng : Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai - Hoạt động ngoại kiểm chất lượng nước năm 2025
 Địa chỉ : Kp 9, phường Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai
 Tên mẫu : Nước sinh hoạt
 Lượng mẫu : 2000+500ml
 Ngày nhận mẫu : 14/05/2025
 Ngày trả kết quả : 26/05/2025
 Địa điểm lấy mẫu : Cô nhi viện Hoa Mai - Nhà máy nước Hồ Cầu Mới - Công ty CP cấp nước Hồ Cầu Mới
 Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai
 Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín.

KHOA XN-CĐHA-TDCN
TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Phi Long

Đồng Nai, ngày 22 tháng 05 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Trần Minh Hòa

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00928.25

Trang : 2/2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B (PP màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	14/05/2025
2	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	14/05/2025
3	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	TCVN 8881:2011 (NƯỚC SINH HOẠT)	0/100ml	< 1CFU/100ml	14/05/2025
4	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2023	36,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	19/05/2025
5	Coliform tổng số *	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	0/100ml	< 3CFU/100ml	14/05/2025
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B: 2023	0,00068 mg/l	≤0,01 mg/L	20/05/2025
7	Clo dư tự do	Chlorine test	0,50 mg/l	0,2 - 1,0 (mg/l)	14/05/2025
8	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	0.14 NTU	≤ 2 NTU	14/05/2025
9	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	14/05/2025
10	Mùi, Vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	14/05/2025
11	pH*	TCVN 6492:2011	6,97	6,0 - 8,5	14/05/2025
12	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179:1996	0,03 mg/l	≤ 0,3mg/l	15/05/2025
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0,62 mg/l	≤ 2mg/l	15/05/2025
14	Mangan *(Mn)	SMEWW 3111B:2023	0,01 mg/l	≤ 0,1mg/l	16/05/2025
15	Nitrat *(NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,10 mg/l	≤ 2mg/l	15/05/2025
16	Nitrit *(NO ₂ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500 NO ₂ ⁻ B:2023	Không phát hiện	≤ 0,05mg/l	15/05/2025
17	Sắt *(Ferrum)(Fe)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,3mg/l	16/05/2025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

**SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 926 /KQ-KSBT**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM****Mã số mẫu: 00926.25****Trang: 1/2**

Tên khách hàng : Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai - Hoạt động ngoại kiểm chất lượng nước năm 2025
Địa chỉ : Kp 9, phường Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai
Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**
Lượng mẫu : 2000+500ml
Ngày nhận mẫu : 14/05/2025
Ngày trả kết quả : 26/05/2025
Địa điểm lấy mẫu : Nguồn cấp đầu vào KCN Nhơn Trạch 6 - Nhà máy nước Hồ Cầu Mới - Công ty CP cấp nước Hồ Cầu Mới
Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai
Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín.

**KHOA XN-CĐHA-TDCN
TRƯỞNG KHOA***Nguyễn Phi Long*Đồng Nai, ngày 22 tháng 05 năm 2025**GIÁM ĐỐC***Trần Minh Hòa*

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00926.25

Trang : 2/2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B (PP màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	14/05/2025
2	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	14/05/2025
3	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	TCVN 8881:2011 (NƯỚC SINH HOẠT)	0/100ml	< 1CFU/100ml	14/05/2025
4	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2023	38,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	19/05/2025
5	Coliform tổng số *	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	0/100ml	< 3CFU/100ml	14/05/2025
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B: 2023	0,00050 mg/l	≤0,01 mg/L	20/05/2025
7	Clo dư tực đo	Chlorine test	0,64 m/l.	0,2 - 1,0 (mg/l)	14/05/2025
8	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	0,04 NTU	≤ 2 NTU	14/05/2025
9	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	14/05/2025
10	Mùi, Vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	14/05/2025
11	pH*	TCVN 6492:2011	6,92	6,0 - 8,5	14/05/2025
12	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179:1996	0,02 mg/l	≤ 0,3mg/l	15/05/2025
13	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	1,08 mg/l	≤ 2mg/l	15/05/2025
14	Mangan *(Mn)	SMEWW 3111B:2023	0,01 mg/l	≤ 0,1mg/l	16/05/2025
15	Nitrat *(NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,11 mg/l	≤ 2mg/l	15/05/2025
16	Nitrit *(NO ₂ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500 NO ₂ ⁻ B:2023	Không phát hiện	≤ 0,05mg/l	15/05/2025
17	Sắt *(Ferrum)(Fe)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,3mg/l	16/05/2025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.